

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 18/2025/HS-PT
Ngày 25 tháng 7 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân
Các Thẩm phán: ông Nguyễn Tấn Long, ông Đinh Phước Hòa
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Đặng Ngọc Gia Linh
- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 316/2025/TLPT-HS ngày 27/6/2025 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2025/HS-ST ngày 13/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2025/QĐXXPT-HS ngày 09/7/2025 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, đối với:

Bị cáo **Hà Xuân K** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 02/9/1983 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐHKHKT: **Tổ dân phố N, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là tổ dân phố N, phường M, thành phố H)**; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Hà Xuân H** và bà **Nguyễn Thị C** (đều đã chết); vợ Cao Thị Như Ý, sinh năm 1984 (ly hôn tháng 4/2024), có 01 con sinh 2011; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Từ nhỏ sinh sống với gia đình tại **phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**, học đến lớp 12/12, rồi học **trường Đại học K2**. Từ năm 2007, nhân viên **ngân hàng A chi nhánh huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế**. Từ năm 2011 đến tháng 02/2023, nhân viên **ngân hàng A chi nhánh B - Huế**; sau đó, nghỉ việc ở nhà điều trị bệnh cho đến ngày phạm tội.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/7/2024 cho đến nay, vắng mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định của Tòa án và phân công của Đoàn luật sư thành phố H: Luật sư **Nguyễn Đình H1 - Đoàn Luật sư thành phố H**, có mặt.

Bị hại: anh **Đặng Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1991; trú tại: **E Đ, phường T, quận T, thành phố H** (nay là **E Đ, phường T, thành phố H**), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư **Nguyễn Văn K1** - **Công ty L2** cộng sự thuộc **Đoàn luật sư thành phố H**, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập do có liên quan đến kháng cáo của bị hại: chị **Cao Thị Như Ý**, sinh năm 1984 (nguyên là vợ bị cáo **K**); địa chỉ: **Tổ dân phố N, phường P, quận T, thành phố H** (nay là **tổ dân phố N, phường M, thành phố H**), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ bạn bè thân quen với nhau đã hơn 10 năm và từng làm việc trong lĩnh vực ngân hàng, nên anh **Đặng Nguyễn Thanh T** (sinh năm: 1991, trú tại: **E Đ, phường T, thành phố H**) và vợ chồng **Hà Xuân K**, chị **Cao Thị Như Ý** (sinh năm 1984, trú tại **tổ dân phố N, phường P, thành phố H**) có cho vay tiền để kinh doanh mộc mỹ nghệ và đáo hạn ngân hàng. Đến tháng 02/2023, do bị bệnh suy thận mạn nên **K** nghỉ việc tại **ngân hàng A chi nhánh B** theo chế độ không lương và điều trị chạy thận tại **Bệnh viện T2**.

Trong giai đoạn Tết Nguyên đán năm 2024, do đang nằm điều trị ở nhà nên **K** sử dụng điện thoại cá nhân lên mạng xã hội facebook xem tin tức. Lúc này, trên trang facebook cá nhân của **K** có chạy quảng cáo của trang mạng đánh bạc trực tuyến “Bet88”. Do muốn chơi để giải khuây, **K** đã tải app của trang “Bet88” này về điện thoại cá nhân và tạo tài khoản rồi liên kết với các tài khoản ngân hàng của **K** để đánh bạc. Sau khi hoàn tất việc tạo lập tài khoản, **K** đăng nhập vào app để đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa chẵn lẻ. Lúc đầu, **K** dùng tiền cá nhân trong các tài khoản ngân hàng của mình để đánh bạc, với số tiền dao động từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

Sau đó, do thua hết tiền **K** nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh **T** để tiếp tục đánh bạc, nên từ ngày 17/02/2024 đến ngày 21/02/2024, **K** đưa ra thông tin gian dối với anh **Đặng Nguyễn Thanh T** là “muốn mượn tiền để giải quyết việc riêng”, với số tiền mượn dao động từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Anh **T** tin tưởng, nên đã chuyển tiền và **K** sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc nhưng bị thua hết.

Từ ngày 23/02/2024 đến ngày 19/3/2024, do đánh bạc thua hết tiền, không có tiền để trả lại cho anh **T** đúng thời hạn như cam kết và cần số tiền lớn hơn để tiếp tục đánh bạc, nên **K** tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là mượn tiền để cho người khác vay đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay từ 03 đến 07 ngày, với lãi suất 2.100 đồng/01 triệu đồng/ngày, nhằm mục đích để anh **T** chuyển số tiền lần sau lớn hơn cho **K**. Sau khi anh **T** chuyển tiền, **K** lấy chính số tiền này để trả hết số tiền gốc và lãi của các khoản vay trước đúng thời hạn đã cam kết. Tin tưởng **K** vay tiền để cho người khác vay đáo hạn ngân hàng, anh **T** đã nhiều lần sử dụng tài khoản số 0161001631468 tại **Ngân hàng Thương mại Cổ phần N3-chi nhánh H5** (viết tắt

V1) chuyển tiền vào tài khoản của K số 0905839797 tại Ngân hàng N4-chi nhánh H5 (viết tắt V2) và tài khoản số 4010207000613 tại Ngân hàng N5-chi nhánh H5 (viết tắt A) với số tiền dao động từ 100.000.000 đồng đến 2.600.000.000 đồng. Ngày 20/3/2024, khi đang điều trị chạy thận tại Bệnh viện T2, K bỏ trốn và các tỉnh phía Nam, đến ngày 30/4/2024, K đến trình diện và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Với thủ đoạn trên, trong khoảng thời gian từ ngày 17/02/2024 đến ngày 19/3/2024, anh Đặng Nguyễn Thanh T đã 26 lần chuyển tiền cho Hà Xuân K, với tổng số tiền là: 18.700.000.000 đồng (Mười tám tỷ bảy trăm triệu đồng). Để anh T tiếp tục chuyển tiền cho mình nhằm chiếm đoạt các khoản vay sau, K dùng tiền của anh T đã chuyển trước đó trả cho anh T tiền gốc, lãi của các khoản vay trước đó, với tổng số tiền 10.907.840.000 đồng (trong đó tiền gốc 10.800.000.000 đồng, tiền lãi 107.840.000 đồng), cụ thể:

Lần 1: Ngày 17/02/2024, anh T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng A, số tiền 20.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 18/02/2024, anh T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng A, số tiền 30.000.000 đồng.

Sau đó, ngày 19/02/2024, K đã chuyển khoản trả cho anh T số tiền là 50.200.000 đồng cho 02 khoản vay trên (số tiền gốc: 50.000.000 đồng, tiền lãi: 200.000 đồng).

Lần 3: Ngày 20/02/2024, anh T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng A, 02 lần, với tổng số tiền là 60.000.000 đồng;

Lần 4: Ngày 21/02/2024, anh T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng A, 02 lần, với tổng số tiền là 90.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 24/02/2024, anh T sử dụng số tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng A, số tiền 100.000.000 đồng.

Lần 6: Ngày 26/02/2024, anh T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng A, số tiền 400.000.000 đồng.

Lần 7: Ngày 27/02/2024, anh T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng A, 02 lần, với tổng số tiền là: 350.000.000 đồng.

Cùng ngày, K chuyển khoản trả anh T 60.800.000 đồng cho khoản vay ngày 20/02/2024 (tiền gốc 60.000.000 đồng, tiền lãi 800.000 đồng).

Lần 8: Ngày 28/02/2024, anh T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng A, số tiền 150.000.000 đồng.

Lần 9: Ngày 29/02/2024, anh T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng A, số tiền 500.000.000 đồng.

Cùng ngày, K chuyển khoản trả anh T 193.000.000 đồng (trong đó: số tiền gốc: 90.000.000 đồng của khoản vay ngày 21/02/2024, số tiền gốc: 100.000.000 đồng của khoản vay ngày 24/02/2024 và tiền lãi: 3.000.000 đồng).

Lần 10: Ngày 01/3/2024, anh T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng A, 02 lần, với tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng.

Cùng ngày, K chuyển trả cho anh T, 02 lần, với tổng số là 555.200.000 đồng (trong đó: số tiền gốc: 400.000.000 đồng của khoản vay ngày 26/02/2024, số tiền

gốc: 150.000.000 đồng của khoản vay ngày 28/02/2024 và tiền lãi: 5.200.000 đồng).

Lần 11: Ngày 02/3/2024, anh T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng A, số tiền 500.000.000 đồng.

Cùng ngày, K chuyển khoản trả anh T 503.150.000 đồng của khoản vay ngày 29/02/2024 (tiền gốc 500.000.000 đồng, lãi 3.150.000 đồng).

Lần 12: Ngày 04/3/2024, K và anh T thực hiện giao dịch chuyển tiền như sau:

+ Anh T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng A 02 lần, tổng số tiền 600.000.000 đồng.

K chuyển khoản trả cho anh T, 02 lần, với tổng số tiền là 1.008.800.000 đồng của khoản vay ngày 01/3/2024 (tiền gốc: 1.000.000.000 đồng, tiền lãi: 8.800.000 đồng).

+ Anh T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại Ngân hàng A, số tiền 500.000.000 đồng.

K chuyển khoản trả anh T tổng số tiền 502.100.000 đồng của khoản vay ngày 02/3/2024 (tiền gốc: 500.000.000 đồng, tiền lãi: 2.100.000 đồng).

Tiếp đó, K chuyển trả cho anh T với tổng số tiền là 356.440.000 đồng của khoản vay ngày 27/02/2024 (tiền gốc: 350.000.000 đồng, tiền lãi: 6.440.000 đồng).

Lần 13: Ngày 05/3/2024, K và anh T thực hiện giao dịch chuyển tiền như sau:

+ Anh T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại A 02 lần, tổng số tiền 1.000.000.000 đồng.

K chuyển khoản trả anh T tổng số tiền 502.100.000 đồng của khoản vay ngày 04/3/2024 (tiền gốc 500.000.000 đồng, lãi 2.100.000 đồng).

+ Anh T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng A, số tiền 500.000.000 đồng.

Lần 14: Ngày 06/3/2024, K và anh T thực hiện giao dịch chuyển tiền với nhau như sau:

+ Anh T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng A 02 lần, tổng số tiền 1.000.000.000đ.

K chuyển khoản trả cho anh T số tiền gốc là 500.000.000 đồng của khoản vay ngày 05/3/2024 (không tính lãi).

Tiếp đến, K chuyển khoản trả cho T với tổng số tiền là 603.780.000 đồng của khoản vay ngày 04/3/2024 (tiền gốc: 600.000.000 đồng, tiền lãi: 3.780.000 đồng).

Lần 15: Ngày 07/3/2024, anh T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng A, 04 lần, với tổng số tiền 1.100.000.000 đồng.

Lần 16: Ngày 08/3/2024, anh T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng A, 06 lần. với tổng số tiền 2.600.000.000 đồng.

Lần 17: Ngày 11/3/2024, anh T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng A, 03 lần, với tổng số tiền 1.400.000.00 đồng.

K chuyển khoản trả cho anh T 03 lần, với tổng số tiền là 1.111.850.000 đồng của khoản vay ngày 07/3/2024 (tiền gốc: 1.100.000.000 đồng, tiền lãi; 11.850.000 đồng).

Lần 18: Ngày 12/3/2024, anh T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng V2, 03 lần, với tổng số tiền 1.300.000.000 đồng.

K chuyển khoản trả cho anh T 03 lần 1.404.200.200 đồng của khoản vay ngày 11/3/2024 (tiền gốc 1.400.000.000 đồng, lãi 4.200.000 đồng)

Lần 19: Ngày 13/03/2024, K và anh T thực hiện giao dịch chuyển tiền như sau:

+ Anh T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng A 04 lần, tổng số tiền 1.600.000.000 đồng.

K chuyển khoản trả cho anh T, 02 lần, với tổng số tiền là 1.019.800.000 đồng của khoản vay ngày 05/3/2024 (tiền gốc: 1.000.000.000 đồng, tiền lãi: 19.800.000 đồng).

+ Anh Thanh T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 tiếp tục chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng V2, 02 lần, với tổng số tiền là 700.000.000 đồng.

Lần 20: Ngày 14/03/2024, anh T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng V2, 02 lần, với tổng số tiền là 800.000.000 đồng.

Lần 21: Ngày 15/03/2024, anh T 02 lần sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng V2 số tiền 500.000.000 đồng và tài khoản tại ngân hàng A, số tiền 200.000.000 đồng.

Ngày 16/03/2024, K chuyển khoản trả cho anh T, 02 lần, với tổng số tiền là 1.022.000.000 đồng của khoản vay ngày 06/3/2024 (tiền gốc là 1.000.000.000 đồng, tiền lãi: 22.000.000 đồng).

Ngày 17/03/2024, K tiếp tục chuyển khoản trả cho T, 02 lần, với tổng số tiền là 806.720.000 đồng của khoản vay ngày 14/3/2024 (tiền gốc: 800.000.000 đồng, tiền lãi: 6.720.000 đồng).

Tiếp đến, K chuyển khoản trả anh T 207.700.000 đồng của khoản vay ngày 13/3/2024 (tiền gốc 200.000.000 đồng, tiền lãi 7.700.000 đồng).

Lần 22: Ngày 18/3/2024, anh T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng V2, 03 lần, với tổng số tiền 700.000.000 đồng.

Cùng ngày, K chuyển khoản trả cho anh T số tiền gốc 500.000.000 đồng của khoản vay ngày 13/3/2024.

Lần 23: Ngày 19/03/2024, T sử dụng tài khoản tại ngân hàng V1 chuyển vào tài khoản của K tại ngân hàng V2, 04 lần, với tổng số tiền 1.000.000.000 đồng.

Từ ngày 19/02/2024 đến ngày 18/3/2024, Hà Xuân K sử dụng 03 tài khoản ngân hàng tại các ngân hàng A, ngân hàng V3 và số 905839797 mở tại ngân hàng V4 chuyển khoản trả lại cho anh Đặng Nguyễn Thanh T, với tổng số tiền là: 10.907.840.000 đồng (trong đó: số tiền gốc là: 10.800.000.000 đồng, số tiền lãi là: 107.840.000 đồng).

Như vậy, Hà Xuân K chiếm đoạt của anh Đặng Nguyễn Thanh T với tổng số tiền là: 7.792.160.000 đồng (Bảy tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Sau khi biết Hà Xuân K có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền nên ngày 12/4/2024, anh Đặng Nguyễn Thanh T viết Đơn tố cáo và đến cơ quan Công an trình báo vụ việc.

Quá trình điều tra xác định, trong thời gian từ ngày 17/02/2024 đến 19/03/2024, **Hà Xuân K** khai đã sử dụng 03 tài khoản tại các ngân hàng nêu trên chuyển tiền để mua “xu” chơi đánh bạc cho các tài khoản ngân hàng; khi đánh thắng thì trang chủ sẽ chuyển vào tài khoản của **K** tiền “xu”, tương ứng 85% số tiền cược, số tiền lớn nhất **K** thắng bạc và được chuyển về tài khoản ngân hàng là 500.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền **K** đánh bạc là: 23.484.500.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Tài khoản số 37422977 tại **ngân hàng A1** đứng tên **Ngô Thanh P** (sinh năm: 2004, trú tại: **B khu phố A, phường A, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh**) số tiền: 4.569.800.000 đồng;
2. Tài khoản số 36823837 tại **ngân hàng A1** đứng tên **Hoàng Văn P1** (sinh năm: 1997, trú tại: **Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa**) số tiền: 4.136.700.000 đồng;
3. Tài khoản số 21155917 tại **ngân hàng A1** đứng tên **Trần Minh H2** (sinh năm: 2003, trú tại: **Tổ dân phố N, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên**) số tiền: 4.659.000.000 đồng;
4. Tài khoản số 19747667799 tại **ngân hàng M** đứng tên **Dương Nguyễn Tâm T1** (sinh năm: 1995, trú tại: **2 L, phường B, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh**) số tiền: 4.860.000.000 đồng;
5. Tài khoản 108879832959 tại **ngân hàng V2** đứng tên **Vũ Khắc H3** (sinh năm: 1993, trú tại: **Tổ A, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh**) số tiền: 2.900.000.000 đồng;
6. Tài khoản số 101877367669 tại **ngân hàng V2** đứng tên **Võ Thị Huỳnh N** (trú tại: **D C, phường D, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh**) số tiền: 1.910.000.000 đồng;
7. Tài khoản số 1351478602 tại **ngân hàng B1** đứng tên **Lương Thanh V** (sinh năm: 1982, trú tại: **Thị trấn C, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh**) số tiền: 370.000.000 đồng;
8. Tài khoản số 8890116022 tại **ngân hàng B1** đứng tên **Nguyễn Văn L** (trú tại: **Khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai**) số tiền: 59.000.000 đồng;
9. Tài khoản số 8881123686 tại **ngân hàng B1** (sinh năm: 1993, trú tại: **Tổ C, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên**) số tiền: 20.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh làm việc với các người đứng tên tại các tài khoản nêu trên được **Hà Xuân K** chuyển tiền. Tuy nhiên, những người nêu trên đều khai nhận là không sử dụng các tài khoản này, không xác định được đối tượng đang sử dụng và không xác định được nhân thân lai lịch.

Ngoài ra, ngày 14/3/2024, **K** sử dụng tài khoản tại **ngân hàng V4** chuyển khoản nhằm vào tài khoản số 101877367669 mở tại **ngân hàng M** của bà **Phạm Thị N1** (trú tại: **xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên**) số tiền: 300.000.000 đồng. Sau khi biết chuyển tiền nhằm tài khoản, **K** đã đề nghị **ngân hàng V4** tiến hành rà soát, kiểm tra liên hệ với chủ tài khoản thụ hưởng nhưng không có kết quả. Đến ngày 04/5/2024, **K** có Đơn trình báo gửi **Công an thành phố H**, tỉnh Thừa Thiên Huế xem xét, giải quyết. Ngày 29/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố H** có Văn bản số 1715/CQĐT-KT đề nghị **Công an xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên** chuyển Thông báo số 1714/TB-CQĐT-KT ngày 29/7/2024 cho bà **Phạm Thị**

N1. Ngày 04/8/2024, Công an xã V đã tiến hành làm việc giao thông báo cho bà N1. Ngày 05/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tiếp tục có Thông báo 2055/TB-CQĐT-KT “V/v thu hồi tiền do người khác chuyển nhằm mà có” cho bà N1. Đến ngày 26/9/2024, bà N1 đã chuyển trả lại số tiền 300.000.000 đồng cho K, K đã giao nộp cho Cơ quan điều tra

* Cơ quan điều tra thu giữ các vật chứng, gồm:

- Tập sao kê tài khoản số 0161001631468 mở tại ngân hàng V1nh H5 mang tên Đặng Nguyễn Thanh T liên quan đến việc chuyển tiền cho Hà Xuân K;

- 03 tập tin nhắn trên ứng dụng Messenger của tài khoản facebook “Xuân Khánh” từ ngày 27/02/2024 đến ngày 20/3/2024 thể hiện việc vay tiền giữa anh T và K (do anh T giao nộp)

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành sao kê tài khoản ngân hàng của Hà Xuân K, T, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Qua đó, để làm chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị can, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra.

Ngày 14/10/2024, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 1816/QĐ-VPCQCSĐT trả lại cho anh Đặng Nguyễn Thanh T số tiền 300.000.000 đồng.

Ngày 27/6/2024, Cục P2, truyền hình và thông tin điện tử-Bộ T3 có Văn bản số 1741/PTTH&TTĐT, trả lời thông tin website “Bet88” như sau: Cục phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử không thẩm định, cấp bất cứ giấy phép hoạt động nào cho các phần mềm, ứng dụng liên quan đến website “Bet88”.

* Về dân sự: Trong thời gian thực hiện hành vi phạm tội, K đã trả lại cho anh T tổng số tiền 10.907.840.000 đồng (trong đó trả tiền gốc 10.800.000.000 đồng, trả lãi 107.840.000 đồng). Quá trình điều tra, K cùng với gia đình đã thỏa thuận bồi thường cho anh T số tiền 500.000.000 đồng. Anh T yêu cầu K tiếp tục bồi thường số tiền 7.400.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 38/2025/HS-ST ngày 13/5/2025, Tòa án nhân dân thành phố Huế quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hà Xuân K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt: Bị cáo Hà Xuân K 09 (Chín) năm 06 (S) tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 579, 580, 585, 586, và 589 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Hà Xuân K trả cho bị hại anh Đặng Nguyễn Thanh T số tiền chiếm đoạt là 7.400.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản lãi, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí.

- Sau khi xét xử sơ thẩm bị hại **Đặng Nguyễn Thanh T** kháng cáo đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo, làm rõ vai trò của Cao Thị Như Ý (vợ bị cáo **K**) và xử lý chiếc xe ô tô mà bị cáo **K** đang sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị hại anh **Đặng Nguyễn Thanh T** giữ nguyên kháng cáo. Luật sư bảo vệ cho bị hại đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị hại.

- Bị cáo vắng mặt, nhưng Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt; tuy nhiên có Luật sư bào chữa cho bị cáo theo chỉ định của Tòa án và phân công của Đoàn Luật sư và đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy từ ngày 17/02/2024 đến ngày 19/03/2024, **Hà Xuân K** đưa ra thông tin gian dối cần vay tiền làm đảo hạn ngân hàng, trả lãi cao nên anh **Đặng Nguyễn Thanh T** tin tưởng chuyển tiền cho **K** vay nhiều lần, với tổng số tiền 18.700.000.000 đồng, **K** đã trả lại anh **T** tiền gốc và lãi của những khoản vay trước tổng số tiền 10.907.840.000 đồng, còn chiếm đoạt của anh **T** 7.792.160.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Khánh phạm vào “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng tội danh, đúng khung hình phạt. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo **K** lúc

phạm tội không có nghề nghiệp và thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt nhiều lần nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” và “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại các điểm b, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Xét, tuy bị cáo **K** phải chịu 2 tình tiết tăng nặng, nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo không có tiền nhưng đã động viên gia đình bồi thường khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và đặc biệt từ tháng 2/2023 bị cáo **K** bị suy thận mãn liên tục phải chạy thận tại **Bệnh viện T2** nên phải nghỉ việc ở ngân hàng và phải chi phí điều trị bệnh; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, từ đó xử phạt bị cáo 09 năm 06 tháng tù là phù hợp. Vì vậy, cấp phúc thẩm thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa không chấp nhận kháng cáo của bị hại yêu cầu tăng hình phạt với bị cáo mà giữ nguyên mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị hại yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét vai trò của chị Cao Thị Như Ý (vợ bị cáo) với hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy bị hại đã được nhận Kết luận điều tra, Cáo trạng nhưng không khiếu nại về việc các cơ quan tố tụng bỏ lọt hành vi đồng phạm (nếu có) của chị Ý; do đó, nay bị hại có yêu cầu thì nếu có căn cứ bị hại có quyền đề nghị Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị hại yêu cầu cấp phúc thẩm tuyên kê biên, xử lý xe ô tô mà bị cáo thường sử dụng để bồi thường cho bị hại, xét vấn đề này bị hại có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xem xét xử lý trong quá trình thi hành án theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị hại **Đặng Nguyễn Thanh T**, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2025/HS-ST ngày 13/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, cụ thể:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo **Hà Xuân K** 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng Điều 579, 580, 585, 586, và 589 của Bộ luật Dân sự: buộc bị cáo **Hà Xuân K** phải trả bị hại anh **Đặng Nguyễn Thanh T** số tiền chiếm đoạt 7.400.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản lãi, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc, kiểm tra I - TANDTC;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân thành phố Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Huế;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Huế;
- bị hại;
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Kim Nhân